

Số: 05

Ngày 07/02/2022

Bản tin hàng tuần
ra ngày thứ Hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

VĂN BẢN MỚI

- Năm 2022, giảm thuế suất thuế giá trị gia tăng xuống mức 8%.
- Từ 2026, phương tiện đường sắt hết niên hạn không được phép hoạt động.
- Chủ đầu tư phải có vốn chủ sở hữu tối thiểu 20% tổng mức đầu tư dự án dưới 20 ha.
- Làm thất thoát tiền, hàng cứu trợ phạt tiền từ 5 đến 10 triệu đồng.
- Thời hiệu xử phạt hành chính lĩnh vực tài nguyên nước là 02 năm.
- Đối tượng, lộ trình và phương

thức giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đến năm 2030.

7. Bán thuốc thú y nhập khẩu có chứa chất ma túy bị phạt đến 30 triệu đồng.

8. Mục tiêu đến năm 2025 tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo giảm từ 4 đến 5%/năm.

9. Quy định chế độ báo cáo công tác ngành Nội vụ.

10. Quy chế hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Trung ương.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung các quy định về cán bộ, công chức, viên chức.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

- Không cung cấp hoặc che giấu thông tin về trẻ em bị xâm hại có bị phạt không?
- Đe dọa trẻ em bằng các hình ảnh, âm thanh, con vật, đồ vật làm trẻ em sợ hãi có vi phạm pháp luật không?
- Tổ chức, ép buộc hoặc sử dụng trẻ em để xin ăn bị phạt tiền như thế nào?
- Hành vi vi phạm về quyền được giáo dục của trẻ em bị phạt như thế nào?

VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. NĂM 2022, GIẢM THUẾ SUẤT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG XUỐNG MỨC 8%

Đây là một trong các nội dung đáng chú ý tại Nghị quyết 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội ngày 11/01/2022.

Theo đó, trong năm 2022, Quốc hội thực hiện chính sách giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng, áp dụng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 10% (còn 8%), trừ một số nhóm hàng hóa, dịch vụ sau: viễn thông, công nghệ thông tin, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, kim loại, sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (không kể khai thác than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hoá chất, sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. Hỗ trợ lãi suất (2%/năm) tối đa 40 nghìn tỷ đồng thông qua hệ thống các ngân hàng thương mại cho một số ngành, lĩnh vực quan trọng, các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có khả năng trả nợ, có khả năng phục hồi; cho vay cải tạo chung cư cũ, xây dựng nhà ở xã hội, nhà cho công nhân mua, thuê và thuê mua. Đặc biệt, cấp vốn điều lệ cho Quỹ Hỗ trợ phát triển du lịch tối đa 300 tỷ đồng.

Bổ trí tối đa 14 nghìn tỷ đồng để đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng, trung tâm kiểm soát bệnh

tật cấp vùng, nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh của viện và bệnh viện cấp trung ương gắn với đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực y tế, sản xuất vắc-xin trong nước và thuốc điều trị COVID-19. Sử dụng tối đa 46 nghìn tỷ đồng từ các nguồn tài chính hợp pháp khác để nhập khẩu vắc - xin, thuốc điều trị và thiết bị, vật tư y tế phục vụ phòng, chống dịch COVID-19 trong trường hợp cần thiết; tiếp tục cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ, giảm lãi vay đối với khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19...

Hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động có quan hệ lao động, đang ở thuê, ở trọ, làm việc trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu vực kinh tế trọng điểm. Tiếp tục cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ, miễn, giảm lãi vay đối với khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19, theo dõi sát diễn biến kinh tế, thị trường tiền tệ để có giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, người dân phù hợp, đồng thời bảo đảm an toàn hoạt động của hệ thống các tổ chức tín dụng.

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 11/01/2022.

2. TỪ 2026, PHƯƠNG TIỆN ĐƯỜNG SẮT HẾT NIÊN HẠN KHÔNG ĐƯỢC PHÉP HOẠT ĐỘNG

Đây là nội dung đáng chú ý vừa được Chính phủ thông qua tại Nghị định 01/2022/NĐ-CP ngày 01/4/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định

65/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đường sắt ngày 04/01/2022.

Theo đó, không áp dụng quy định về niên hạn sử dụng phương tiện giao thông đường sắt chạy trên tuyến chính của đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dụng, đường sắt đô thị đối với việc thực hiện cứu hộ cứu nạn; dọn dịch trong ga, cảng, trong đề-pô, trong nội bộ nhà máy; điều chuyển giữa các ga, các đề-pô; các đầu máy hơi nước kéo đoàn tàu du lịch; toa xe mặt vồng chuyên vận tải phục vụ an ninh, quốc phòng và các loại phương tiện chuyên dùng di chuyển trên đường sắt.

Các phương tiện hết niên hạn sử dụng trước ngày 31/12/2018 được phép hoạt động đến hết ngày 31/12/2023 thay vì ngày 31/12/2020 như quy định cũ. Các phương tiện hết niên hạn sử dụng từ 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019 được phép hoạt động đến hết ngày 31/12/2024.

Đồng thời, các phương tiện hết niên hạn sử dụng từ 01/01/2020 đến ngày 31/12/2025 được phép hoạt động đến hết ngày 31/12/2025. Các phương tiện hết niên hạn sử dụng từ ngày 01/01/2026 thì không được kéo dài thời gian hoạt động.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01/4/2022.

3. CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI CÓ VỐN CHỦ SỞ HỮU TỐI THIỂU 20% TỔNG MỨC ĐẦU TƯ DỰ ÁN DƯỚI 20 HA

Đây là nội dung đáng chú ý được Chính phủ thông qua tại Nghị định 02/2022/NĐ-CP về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật

Kinh doanh bất động sản ngày 06/01/2022.

Nghị định này quy định chi tiết một số điều, khoản của Luật Kinh doanh bất động sản, bao gồm các nội dung về điều kiện của tổ chức, cá nhân kinh doanh bất động sản; về các loại hợp đồng mẫu kinh doanh bất động sản; về chuyển nhượng hợp đồng thuê mua nhà, công trình xây dựng có sẵn; chuyển nhượng hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai và thủ tục chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản.

Theo đó, tổ chức, cá nhân kinh doanh bất động sản phải có các điều kiện sau đây: phải thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp hoặc hợp tác xã theo quy định của pháp luật về hợp tác xã, có ngành nghề kinh doanh bất động sản; phải công khai trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp, tại trụ sở Ban Quản lý dự án, tại sàn giao dịch bất động sản các thông tin về doanh nghiệp.

Nhà đầu tư được lựa chọn làm chủ đầu tư dự án bất động sản theo quy định của pháp luật thì nhà đầu tư đó phải có vốn chủ sở hữu không thấp hơn 20% tổng vốn đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất dưới 20 ha, không thấp hơn 15% tổng vốn đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất từ 20 ha trở lên. Việc xác định vốn chủ sở hữu quy định tại khoản này được căn cứ vào kết quả báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc kết quả báo cáo kiểm toán độc lập của doanh nghiệp đang hoạt động.

Việc chuyển nhượng hợp đồng mua bán, thuê mua nhà, công trình xây dựng phải đảm bảo các điều kiện sau đây: Có hợp đồng mua bán, thuê mua được lập theo quy định; thuộc diện chưa nộp hồ sơ đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; hợp đồng mua bán, thuê mua nhà, công trình xây dựng phải thuộc diện không có tranh chấp, khiếu kiện; nhà, công trình xây dựng thuộc hợp đồng mua bán, thuê mua không thuộc diện bị kê biên, thế chấp để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được bên nhận thế chấp đồng ý.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01/3/2022.

4. LÀM THẤT THOÁT TIỀN, HÀNG CỨU TRỢ PHẠT TIỀN TỪ 5 ĐẾN 10 TRIỆU ĐỒNG

Ngày 06/01/2022, Chính phủ ban hành Nghị định 03/2022/NĐ-CP về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều.

Theo đó, hình thức xử phạt chính gồm phạt cảnh cáo và phạt tiền. Hình thức xử phạt bổ sung gồm tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn và tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính áp dụng với cá nhân đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai và thủy lợi là 01 năm; đối với lĩnh vực đê điều là 02 năm.

Mức phạt tiền tối đa là 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực phòng, chống thiên tai; 100.000.000 đồng đối với

lĩnh vực đê điều; và 250.000.000 đồng đối với lĩnh vực thủy lợi. Mức phạt tiền tối đa đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân, với cùng một hành vi vi phạm hành chính.

Cụ thể, mức phạt tiền thấp nhất từ 1.000.000 đồng – 3.000.000 đồng áp dụng đối với hành vi đổ đất, chất thải, phế nguyên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện vào công trình kè, công trình chống sạt lở, công trình chống sụt lún đất, công trình chống lũ quét, công trình cảnh báo thiên tai với khối lượng dưới 03m³; cao nhất là 40.000.000 đồng-50.000.000 đồng nếu khối lượng từ 500 m³ trở lên.

Bên cạnh đó, phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng với hành vi: sử dụng sai mục đích, làm thất thoát tiền, hàng cứu trợ, cứu trợ không đúng đối tượng mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự; chiếm đoạt hàng cứu trợ mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự; hoặc thực hiện nhiệm vụ cứu trợ không kịp thời.

Nghị định có hiệu lực từ ngày 06/01/2022.

5. THỜI HIỆU XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC LÀ 02 NĂM

Ngày 06/01/2022, Chính phủ ban hành Nghị định 04/2022/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ.

Trong lĩnh vực đất đai, Chính phủ sửa đổi và bổ sung về mức xử phạt

như sau: Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với trường hợp nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư mà người nhận chuyển nhượng không có ngành nghề kinh doanh phù hợp với mục đích sử dụng đất, mục tiêu của dự án đầu tư hoặc không thực hiện ký quỹ theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc không có đủ năng lực tài chính theo quy định.

Đối với lĩnh vực tài nguyên nước, các hình thức xử phạt bổ sung đối với các vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản như sau: tước quyền sử dụng giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất; giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản từ 01 tháng đến 24 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực; tịch thu tang vật (bao gồm mẫu vật là khoáng sản và các loại tang vật khác), phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính.

Ngoài ra, hình thức xử phạt bổ sung khác là đình chỉ hoạt động lập, thực hiện đề án dự án về tài nguyên nước; đình chỉ hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, hành nghề khoan nước dưới đất, thăm dò, khai thác khoáng sản từ 01 tháng đến 24 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực.

Bên cạnh đó, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước, lĩnh vực khoáng sản là 02 năm. Bổ sung quy định phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi “lắp đặt thiết bị

quan trắc, giám sát không đúng theo quy định”.

Nghị định có hiệu lực từ ngày 06/01/2022.

6. ĐỐI TƯỢNG, LỘ TRÌNH VÀ PHƯƠNG THỨC GIẢM NHẸ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH ĐẾN NĂM 2030

Ngày 07/01/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị định 06/2022/NĐ-CP quy định về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn. Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động phát thải khí nhà kính, giảm nhẹ phát thải và hấp thụ khí nhà kính; tham gia phát triển thị trường các-bon trong nước; sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu, tiêu thụ và xử lý các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát theo Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn.

Theo đó, đối tượng thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính gồm: Các cơ sở thuộc danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải kiểm kê khí nhà kính do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Các bộ quản lý lĩnh vực năng lượng, nông nghiệp, sử dụng đất và lâm nghiệp, quản lý chất thải, các quá trình công nghiệp là các Bộ: Công Thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng.

Các cơ sở thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở và theo lộ trình sau đây: Cung cấp thông tin, số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở, xây dựng và thực hiện các biện pháp

giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với điều kiện cụ thể của cơ sở; giai đoạn từ năm 2026 đến hết năm 2030, thực hiện kiểm kê khí nhà kính, xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo hạn ngạch do Bộ Tài nguyên và Môi trường phân bổ phù hợp với mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; được phép trao đổi, mua bán hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon trên sàn giao dịch tín chỉ các-bon.

Phương thức giảm nhẹ phát thải khí nhà kính bao gồm: Các biện pháp chính sách, quản lý hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực, cấp cơ sở; công nghệ, quy trình sản xuất, dịch vụ ít phát thải khí nhà kính; các cơ chế, phương thức hợp tác về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 07/01/2022.

7. BÁN THUỐC THÚ Y NHẬP KHẨU CÓ CHỨA CHẤT MA TÚY BỊ PHẠT ĐẾN 30 TRIỆU

Ngày 11/01/2022, Chính phủ ban hành Nghị định 07/2022/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi.

Theo đó, mức phạt đối với hành vi chợ chuyên kinh doanh động vật; cơ sở giết mổ động vật tập trung; cơ sở sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm

động vật để kinh doanh không có Giấy chứng nhận vệ sinh thú y hoặc sử dụng Giấy chứng nhận vệ sinh thú y hết hiệu lực là từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Đối với hành vi bán mỗi loại thuốc thú y nhập khẩu có chứa chất ma túy, tiền chất cho cơ sở buôn bán thuốc thú y không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y theo quy định, cơ sở không được phép hành nghề khám bệnh, chẩn đoán bệnh, phẫu thuật động vật, xét nghiệm bệnh động vật bị phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Ngoài ra, phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi buôn bán thuốc bảo vệ thực vật chung với các hàng hóa khác như: Lương thực, thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, thuốc y tế, thuốc thú y.

Nghị định có hiệu lực kể từ ngày 10/01/2022.

8. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2025 TỶ LỆ HỘ NGHÈO Ở CÁC HUYỆN NGHÈO GIẢM TỪ 4 ĐẾN 5%/NĂM

Ngày 18/01/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 90/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 thực hiện trên phạm vi cả nước, trọng tâm là các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

Đối tượng của Chương trình gồm: Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36

tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo) trên phạm vi cả nước. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng; trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; các tỉnh có huyện nghèo; các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tổ chức dịch vụ việc làm, doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn các tỉnh có huyện nghèo; các tổ chức, cá nhân liên quan.

Mục tiêu của chương trình đến năm 2025 tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều duy trì mức giảm 1,0 - 1,5%/năm; tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm trên 3,0%/năm; 30% huyện nghèo, 30% xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn; tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo giảm từ 4 - 5%/năm.

Tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 – 2025

tối thiểu là 75.000 tỷ đồng, trong đó: vốn ngân sách trung ương là 48.000 tỷ đồng; vốn ngân sách địa phương là 12.690 tỷ đồng và vốn huy động hợp pháp khác là 14.310 tỷ đồng. Bên cạnh đó, thực hiện 07 dự án là thành phần của chương trình, bao gồm: Dự án 1 Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; Dự án 2 Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo...

Cụ thể, tổng nhu cầu vốn thực hiện cho Dự án 1 là 22.110 tỷ đồng, trong đó ngân sách trung ương là 16.940 tỷ đồng; ngân sách địa phương là 2.920 tỷ đồng và vốn huy động hợp pháp khác là 2.250 tỷ đồng. Đối tượng áp dụng là các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Nguồn vốn được đầu tư vào cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội cơ bản như sau: các công trình giao thông, cầu, hạ tầng điện phục vụ dân sinh, sản xuất; các công trình giáo dục chuẩn quốc gia; các công trình y tế đạt chuẩn quốc gia; công trình thủy lợi phục vụ sản xuất...

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 18/01/2022.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

9. QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ BÁO CÁO CÔNG TÁC NGÀNH NỘI VỤ

Ngày 31/12/2021, Thông tư 7/2021/TT-BNV của Bộ Nội vụ về việc quy định chế độ báo cáo công tác ngành Nội vụ. Các Bộ, cơ quan

ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Nội vụ là hệ thống quản lý chế độ báo cáo điện tử hoạt động trên

môi trường mạng có chức năng thu thập, tổng hợp thông tin, số liệu báo cáo thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ; phân tích, trích xuất, cung cấp thông tin, số liệu báo cáo phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ Nội vụ và kết nối liên thông với Hệ thống thông tin báo cáo Quốc gia.

Các chế độ báo cáo công tác ngành Nội vụ bao gồm: Báo cáo định kỳ ngành Nội vụ đáp ứng yêu cầu thông tin tổng hợp, toàn diện; Báo cáo chuyên đề ngành Nội vụ được ban hành nhằm đáp ứng yêu cầu thông tin có tính chuyên sâu về một chủ đề thuộc lĩnh vực Nội vụ; và Báo cáo đột xuất ngành Nội vụ được ban hành nhằm đáp ứng yêu cầu thông tin về vấn đề phát sinh đột xuất.

Báo cáo 6 tháng, báo cáo hằng năm ngành Nội vụ gồm các nội dung như: Kết quả thực hiện nhiệm vụ theo lĩnh vực công tác ngành Nội vụ; Công tác chỉ đạo, điều hành, phối hợp thực hiện nhiệm vụ ngành Nội vụ; Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân, kiến nghị, phản ánh và công tác phòng, chống tham nhũng...

Báo cáo bằng văn bản điện tử có chữ ký số của người có thẩm quyền gửi Bộ Nội vụ theo địa chỉ trên trực liên thông văn bản quốc gia. Báo cáo hằng quý phải gửi trước ngày 20 tháng cuối quý; báo cáo 6 tháng đầu năm phải gửi trước ngày 20 tháng 6 hằng năm. Các báo cáo năm phải được gửi trước ngày 20 tháng 12 hằng năm.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 15/02/2022.

10. QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TRUNG ƯƠNG

Ngày 12/01/2022, Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Trung ương thông qua Quyết định 03/QĐ-HĐPH về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Trung ương.

Quy chế này quy định về nguyên tắc hoạt động, phân công trách nhiệm các thành viên Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật trung ương, mối quan hệ công tác, hoạt động của Hội đồng, Cơ quan Thường trực Hội đồng và một số biện pháp bảo đảm hoạt động của Hội đồng. Quy chế này áp dụng đối với Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, Ủy viên Hội đồng, Cơ quan Thường trực Hội đồng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Hội đồng làm việc theo chế độ tập thể dưới sự chỉ đạo toàn diện của Chủ tịch Hội đồng; bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, đề cao trách nhiệm cá nhân của thành viên Hội đồng và yêu cầu phối hợp chặt chẽ trong giải quyết công việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định và Quy chế này. Việc phân công trách nhiệm, nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể, đúng quy định của pháp luật và Quy chế này, phù hợp phạm vi quản lý của thành viên Hội đồng. Hội đồng hoạt động thông qua các Phiên họp, đoàn kiểm tra,

thông tin, báo cáo hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Các thành viên Hội đồng làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Các thành viên Hội đồng có thể huy động đơn vị, cá nhân thuộc cơ quan, tổ chức mình quản lý hoặc nguồn lực hợp pháp khác để tham gia thực hiện nhiệm vụ được giao.

Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng theo chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng phù hợp với trách nhiệm của từng thành viên. Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng thực hiện các hoạt động được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền; đôn đốc, phối hợp với các thành viên Hội đồng trong giải quyết các công việc được phân công; chịu trách nhiệm báo cáo, thông tin kịp thời và chỉ đạo thực hiện các giải pháp nhằm đảm bảo tiến độ triển khai các công việc được phân công cho các thành viên Hội đồng. Các Phó Chủ tịch Hội đồng, Ủy viên Hội đồng chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng về chất lượng và tiến độ giải quyết công việc được phân công; chủ động phối hợp thực hiện các nhiệm vụ, báo cáo và thông tin kịp thời về việc giải quyết các công việc được phân công, tình hình công tác phổ biến, giáo dục

pháp luật của cơ quan, tổ chức nơi công tác tới Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Hội đồng.

Các Ủy viên Hội đồng có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ được giao; chỉ đạo các đơn vị thuộc phạm vi quản lý phối hợp với Bộ Tư pháp xây dựng, cập nhật thông tin phổ biến, giáo dục pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý trên Cổng Thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật quốc gia và thực hiện các nhiệm vụ khác theo kế hoạch hoạt động hàng năm của Hội đồng.

Căn cứ vào kế hoạch hoạt động hàng năm, Hội đồng tổ chức các Đoàn kiểm tra về tình hình thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại các bộ, cơ quan, tổ chức ở trung ương và địa phương. Các cơ quan, đơn vị được kiểm tra có trách nhiệm chuẩn bị báo cáo bằng văn bản và gửi về Đoàn kiểm tra theo thời gian Đoàn kiểm tra yêu cầu; chuẩn bị nội dung kiểm tra; sắp xếp thời gian, bố trí cán bộ làm việc với Đoàn kiểm tra và phục vụ kiểm tra theo kế hoạch...

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 12/01/2022.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CÁC QUY ĐỊNH VỀ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Sau hơn một năm thực hiện các quy định thực hiện các Nghị định về tuyển dụng, sử dụng quản lý công chức, viên chức, người quản lý, người đại diện phần vốn tại doanh

nh nghiệp nhà nước; đánh giá, kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức, qua phản ánh của các bộ, ngành, địa phương còn có một số tồn tại. Để kịp thời thể chế các chủ trương tại các văn kiện đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng thông qua; chủ trương, đường lối

của Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII, Bộ Chính trị, Ban Bí thư tại các văn bản mới ban hành, Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì Bộ Nội vụ đã phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi các quy định về cán bộ, công chức, viên chức.

Dự thảo gồm trong đó 6 Điều sửa đổi, bổ sung các Nghị định gồm: Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức.

Theo dự thảo, căn cứ quy định của cơ quan có thẩm quyền quản lý công chức, viên chức về công tác đánh giá, cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng công chức, viên chức ban hành Quy chế đánh giá phù hợp với đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

Nội dung Quy chế phải xác định rõ sản phẩm cụ thể gắn với từng vị trí việc làm, tiêu chí đánh giá chất

lượng, hiệu quả, thời điểm đánh giá theo quý, tháng hoặc tuần (nếu có); căn cứ để xác định tỉ lệ % mức độ hoàn thành công việc; các tiêu chí thành phần để đánh giá và xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, trong đó có tính đến tỷ lệ khối lượng công việc của cán bộ, công chức, viên chức đã thực hiện so với khối lượng công việc chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị; khuyến khích áp dụng công nghệ thông tin để thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, bảo đảm phù hợp với các quy định tại Nghị định này. Việc đánh giá, xếp loại chất lượng đối với người làm việc trong tổ chức cơ yếu thực hiện theo quy định của pháp luật về cơ yếu và không trái với nguyên tắc đánh giá, xếp loại cán bộ của cấp có thẩm quyền.

Bên cạnh đó, dự thảo còn quy định cụ thể về phân công, phân cấp tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề trong cùng lĩnh vực sự nghiệp. Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chủ trì tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I (tương đương ngạch chuyên viên cao cấp), sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung đề án và chỉ tiêu thăng hạng. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng II, sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung đề án và chỉ tiêu thăng hạng. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy

ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định về chỉ tiêu thăng hạng và tổ chức hoặc phân cấp, ủy quyền cho các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng III và hạng IV. Việc

phân công, phân cấp tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền của Đảng.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Không cung cấp hoặc che giấu thông tin về trẻ em bị xâm hại có bị phạt không?

Trả lời: Phạt tiền từ 10-15 triệu đồng đối với hành vi không cung cấp hoặc che giấu thông tin về trẻ em bị xâm hại cho cơ quan, cá nhân có thẩm quyền. Điều này được quy định tại điểm a, Khoản 2, Điều 28 Nghị định số 130/2021/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 30/12/2021.

2. Hỏi: Đe dọa trẻ em bằng các hình ảnh, âm thanh, con vật, đồ vật làm trẻ em sợ hãi có vi phạm pháp luật không?

Trả lời: Theo điểm d, Khoản 1, Điều 22 Nghị định số 130/2021/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 30/12/2021 quy định phạt tiền từ 10-20 triệu đồng đối với hành vi thường xuyên đe dọa trẻ em bằng các hình ảnh, âm thanh, con vật, đồ vật làm trẻ em sợ hãi, tổn hại về tinh thần.

3. Hỏi: Tổ chức, ép buộc hoặc sử dụng trẻ em để xin ăn bị phạt tiền như thế nào?

Trả lời: Theo Khoản 2, Điều 23 Nghị định số 130/2021/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 30/12/2021 quy định phạt tiền từ 10-15 triệu đồng đối với hành vi tổ chức, ép buộc trẻ em đi xin ăn; cho

thuê, cho mượn trẻ em hoặc sử dụng trẻ em để xin ăn.

4. Hỏi: Hành vi vi phạm về quyền được giáo dục của trẻ em bị phạt như thế nào?

Trả lời: Theo Điều 26, Nghị định số 130/2021/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 30/12/2021 quy định cụ thể như sau:

+ Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1 triệu đồng đối với một trong các hành vi: hủy hoại sách, vở, đồ dùng học tập của trẻ em; cố ý không thực hiện nghĩa vụ đóng góp cho việc học tập của trẻ em theo quy định của pháp luật; không bảo đảm thời gian, điều kiện học tập cho trẻ em. Bên cạnh đó, buộc phải chịu mọi chi phí để mua sách, vở, đồ dùng học tập cho trẻ em đối với hành vi vi phạm.

+ Phạt tiền từ 1-2 triệu đồng đối với hành vi cản trở việc đi học của trẻ em.

+ Phạt tiền từ 3-5 triệu đồng đối với hành vi dụ dỗ, lôi kéo, ép buộc trẻ em bỏ học, nghỉ học./.